

# Giải pháp tăng cường nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tạo động lực phát triển nền văn hóa bền vững trong giai đoạn hiện nay

Vũ Diệu Trung\*

Nhận ngày 21 tháng 2 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 4 năm 2023.

**Tóm tắt:** Đề cương về Văn hóa năm 1943 cho đến thời điểm hiện tại vẫn soi rọi, dẫn đường và là kim chỉ nam cho các chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Do đó, quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu trong nhiều lĩnh vực, tạo động lực cho sự phát triển của xã hội, trong đó di sản văn hóa đóng một vai trò quan trọng. Trong giai đoạn hiện nay, vai trò này càng cần phải được phát huy hơn nữa để tạo sức tăng trưởng cho phát triển kinh tế, xã hội. Với những giải pháp về phát triển kinh tế phải song hành với bảo tồn di sản văn hóa, tăng cường nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu về văn hóa tâm linh của chủ thể văn hóa, nghiên cứu này sẽ đóng góp một số giải pháp mang tính thực tiễn để các giá trị di sản văn hóa thực sự trở thành động lực cho sự phát triển nền văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Đề cương văn hóa, di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy.

**Phân loại ngành:** Văn hóa học

**Abstract:** From 1943 to the present, Đề cương văn hóa has served to enlighten, direct, and become a magnetic needle for the policies, lines, and policies of the Party and the state of Vietnam. As a result, the process of developing an advanced Vietnamese culture imbued with national identity over time has yielded numerous achievements in a variety of fields, creating a driving force for societal development in which heritage culture plays an important role. In the current period, this role needs to be further promoted to create growth for economic and social development. With the solutions for economic development associated with preserving cultural heritage, strengthening human resources, and meeting the cultural and spiritual needs of cultural subjects, this study will contribute some solutions. Practical methods of preserving cultural heritage values have really become the driving force for the development of culture in the current period.

**Keywords:** Đề cương văn hóa, cultural heritage, preserving and developing.

**Subject classification:** Cultural studies

## 1. Đặt vấn đề

Trong phần I, cách đặt vấn đề của Đề cương về văn hóa năm 1943 có ghi: “1. Phạm vi vấn đề văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. 2. Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (Hạ tầng cơ sở quyết định kiến trúc thượng tầng). 3. Thái độ Đảng cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa: a) Mặt trận văn hóa là một trong 3 mặt trận: (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động. b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả”, vấn đề trên cho đến thời điểm

---

\* Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.  
Email: vudieutrongvicas@yahoo.com

80 năm sau (1943-2023), quan điểm này trong Đề cương văn hóa của Đảng ta vẫn còn nguyên giá trị, thậm chí ngày càng thấm nhuần vào các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta qua các kỳ đại hội, nghị quyết của Đảng. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta đã xác định rõ tính chất tiên tiến của nền văn hóa Việt Nam: “Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện truyền tải nội dung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998: 55-56). Trong Nghị quyết của Hội nghị đã xác định về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: “nền văn hóa mà chúng ta xây dựng bao gồm toàn bộ các hoạt động tinh thần của xã hội, từ tư tưởng, đạo đức, lối sống tới văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; bảo tồn di sản văn hóa; văn hóa các dân tộc thiểu số; xây dựng môi trường văn hóa; giao lưu văn hóa quốc tế”... Đây là những lĩnh vực góp phần tạo nên nền tảng tinh thần của xã hội. Như vậy, để tạo động lực cho phát triển nền văn hóa, chúng ta cần thiết phải xây dựng một cách tổng thể, đồng bộ các hoạt động tinh thần của xã hội. Thực tiễn cho thấy, quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thời gian qua đã làm thay đổi căn bản nhận thức của cán bộ, nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước bền vững, có cái nhìn toàn diện, khoa học hơn về văn hóa. Mặt khác, cũng đã bộc lộ nhiều vấn đề cần phải giải quyết, một trong những vấn đề đó là cần thiết phải tăng cường nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tạo động lực thực sự về kinh tế để phát triển bền vững cho đất nước.

## **2. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong giai đoạn hiện nay**

Trong những năm qua, công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa được triển khai trong phạm vi cả nước với nhiều hình thức và cấp độ khác nhau. Vốn đầu tư để tôn tạo, trùng tu các di tích này được lấy từ nhiều nguồn khác nhau như ngân sách nhà nước, xã hội hóa... Những thành tựu đạt được đã góp phần không nhỏ trong việc giáo dục cho thế hệ trẻ về bản sắc văn hóa dân tộc, về tính cố kết cộng đồng của cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Thông qua công tác sưu tầm, trưng bày, hệ thống các bảo tàng đã khẳng định được vị thế của mình trong toàn bộ hệ thống thiết chế văn hóa nói chung. Những thành tựu này còn giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức giữ gìn, tự hào và tôn vinh bản sắc văn hóa của dân tộc, đáp ứng nhu cầu và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân. Chương trình Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong hơn 25 năm qua đã tích lũy được một khối lượng dữ liệu khổng lồ<sup>1</sup>, song hành với đó là sự khôi phục, phục dựng được nhiều lễ hội, phong tục tập quán có nguy cơ mai một của 54 dân tộc Việt Nam. Việt Nam đã có 13 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và cần thiết được bảo vệ khẩn cấp: Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Việt Nam (2003); Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên (2005); Dân ca Quan họ Bắc Ninh (2009); Ca trù (2009); Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (2010); Hát Xoan Phú (2011); Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ (2012); Đờn ca tài tử (2013), Dân ca ví Giặm (2014), Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines trở thành Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2015), Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt (2016), Nghệ thuật Xòe Thái (2021), Nghề gốm Bàu Trúc của người Chăm tỉnh Ninh Thuận (2022).

<sup>1</sup> Lưu trữ tại: 1. Trung tâm dữ liệu di sản văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam; 2. Cục Di sản Văn hóa; 3. Vụ Văn hóa Dân tộc; 4. Cục Văn hóa cơ sở; 5. Viện Âm Nhạc, Học Viện Âm nhạc (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Di sản văn hóa phi vật thể chủ yếu được lưu truyền cho đời sau bằng hình thức truyền khẩu, vì vậy, nghệ nhân dân gian - chủ thể nắm giữ di sản văn hóa - có một vai trò quan trọng trong sự hồi sinh, phát triển của loại hình văn hóa này. Vai trò của nghệ nhân dân gian còn được UNESCO gọi là “Báu vật nhân văn sống” cũng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Việc tư liệu hóa và phục dựng và lập hồ sơ cấp quốc gia, chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân dân gian trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đã tác động không nhỏ vào quá trình nhận thức của những người làm công tác bảo vệ di sản văn hóa cũng như chủ nhân đích thực của di sản văn hóa, góp phần chuyển hóa về mặt nhận thức, tạo được sự trân trọng của cộng đồng đối với di sản văn hóa, tạo ra nhu cầu hưởng thụ chính những di sản văn hóa đó. Đồng thời, những di sản văn hóa phi vật thể đã mang lại nền tảng vững chắc về mặt tinh thần cho chính những người dân bản địa, làm cho họ tin tưởng vào Nhà nước, tin tưởng những gì thuộc về đời sống tinh thần của họ được Nhà nước bảo vệ. Điều này là vô cùng cần thiết và quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia. Đồng thời di sản văn hóa sẽ được kế tục, duy trì và phát triển.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế và mặt trái cần khắc phục, đó là: người dân chưa tự chủ động bảo vệ di sản của chính họ mà có tư tưởng trông chờ, ỷ nại vào những chương trình bảo tồn của Nhà nước. Chúng ta luôn đưa ra khẩu hiệu tôn vinh nghệ nhân nhưng trên thực tế chưa có chế độ hỗ trợ đối với những người bảo vệ di sản văn hóa (chủ nhân của nền văn hóa), chưa tạo cơ hội nghề nghiệp cho chủ nhân của di sản văn hóa, chưa kết nối được di sản văn hóa với du lịch để tạo thành động lực cho sự phát triển kinh tế nâng cao đời sống cho người dân. Chương trình mục tiêu về văn hóa đặt ra nhiệm vụ “Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia, đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hóa. Bảo tồn các di sản văn hóa và phục vụ việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Xóa các điểm trắng về văn hóa, xây dựng những điểm sáng về văn hóa trên các mặt, trên các lĩnh vực của đời sống tinh thần” (Thủ tướng Chính phủ, 2015). Sau khi tổng kết chương trình, thì có 7 trong số 20 chỉ tiêu đã không hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Công tác đầu tư, tu bổ, tôn tạo 70% di tích lịch sử và cách mạng, 80% di tích kiến trúc nghệ thuật và danh thắng được công nhận là di tích cấp quốc gia. Vậy mà, tổng thể chương trình mới chỉ tu bổ và tôn tạo được 130 di tích/3.062 di tích đạt 4,3%; hỗ trợ chống xuống cấp 921 di tích/1.200 di tích<sup>2</sup>; Sưu tầm các di sản văn hóa phi vật thể tính đến 2010 là 652 dự án, đến 2014 là 742 dự án<sup>3</sup>. Trong 15 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đặc biệt là chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà quản lý tuy đã nghiên cứu, bảo tồn di sản với số lượng lên đến 742 dự án nhưng đi sâu nghiên cứu về từng dân tộc còn quá ít 72/742, mà đáng lẽ đây chính là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên phải thực hiện xong trong vòng 5 năm đầu tiên của chương trình (tất yếu việc này song hành với công tác bảo tồn những giá trị văn hóa đã bị mai một mang tính khẩn cấp). Cũng chính vì thế mà các nhà quản lý không thể có cái nhìn toàn diện về văn hóa 54 tộc người trên bình diện tổng thể cũng như chi tiết. Do vậy, để tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa trong thời gian tới, chúng ta cần thiết phải nhìn nhận, đánh giá lại chương trình mục tiêu, cần có những giải pháp, hoạch định đối

<sup>2</sup> Theo Báo cáo số 211/BC-CP ngày 17/10/2011 về Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006 - 2010, triển khai kế hoạch 2011 và đề xuất danh mục chương trình mục tiêu quốc gia 2012 - 2015.

<sup>3</sup> Dữ liệu của Chương trình mục tiêu được lưu tại Trung tâm tâm dữ liệu di sản văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.

với từng địa phương cụ thể, nghiên cứu lại cách thức quản lý và thực hiện chương trình, giao nhiệm vụ cho các đơn vị/cơ quan đúng với chức năng nhiệm vụ, phân bổ nguồn kinh phí hợp lý. Đặc biệt là nguồn dữ liệu của Chương trình này cần được lưu trữ có tính hệ thống, đồng bộ, tránh chồng chéo, nhằm khai thác hợp lý nguồn tài nguyên số - tài sản vô giá của quốc gia.

### **3. Giải pháp phát triển kinh tế song hành với bảo tồn di sản văn hóa**

Trong thực tiễn hoạt động quản lý văn hóa nói chung và công tác bảo tồn di sản văn hóa nói riêng thì vấn đề lớn đặt ra là phát triển kinh tế chưa đồng bộ với bảo tồn và phát triển văn hóa dẫn đến nhiều hệ lụy về xã hội. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng phát triển kinh tế không bền vững. Nhưng mặt khác, văn hóa cũng có tính độc lập tương đối của nó và chúng ta sẽ nhìn thấy rất rõ khi nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số<sup>4</sup>. Trước tiên, chúng ta phải khẳng định rằng, đời sống vật chất được đảm bảo thì đời sống tinh thần mới phong phú và đa dạng. Muốn phát triển văn hóa thì đời sống vật chất của đồng bào phải được nâng lên, khắc phục được tình trạng đói nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống, trình độ phát triển kinh tế... Bởi vậy, cần phải giải quyết tốt những vấn đề về kinh tế như sau: tổ chức tốt công tác định canh định cư; thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo; chuyển dịch cơ cấu cây trồng; coi trọng phát triển hàng hóa, phát triển các du lịch, dịch vụ... muốn thực hiện tốt các vấn đề trên, trước hết cần phải thực hiện tốt chương trình bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể như: (1) Chương trình phát triển và chế biến được liệu, tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn mới; (2) Chương trình phát triển du lịch phải song hành với công tác bảo tồn tri thức dân gian (bài thuốc dân gian, nghề trồng cây thuốc nam, nghề trồng rừng), các loại hình di sản văn hóa như văn hóa ẩm thực, nghề thủ công truyền thống, di sản xướng dân gian, lễ hội dân gian...; (3) Công tác bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với quảng bá hình ảnh di sản nhằm mục tiêu phát triển du lịch để phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương cụ thể. Ví dụ: Khôi phục, nâng cấp công nghệ các ngành nghề thủ công truyền thống, mang tính văn hoá của các vùng dân tộc trong tỉnh: dệt lanh, thổ cẩm, may quần áo dân tộc, mây tre đan, trồng và chế biến chè, sản xuất vật liệu xây dựng, rèn, đúc lưỡi cày, cuốc... Tiếp tục đầu tư dạy nghề, phát triển các nghề sản xuất thủ công nghiệp, sử dụng các nguồn nguyên liệu địa phương, tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông nghiệp, nông thôn. Hình thành các hiệp hội nghề thủ công nghiệp tạo điều kiện để mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, nâng cao quy mô và giá trị xuất khẩu các mặt hàng thủ công mỹ nghệ...

### **4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

Trong bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực nào của đời sống xã hội, nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển. Đây có thể được xem là nhân tố quan trọng bậc nhất trong chiến lược phát triển của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đối với nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ được xem là nguồn nhân lực đặc biệt, mang tính đặc thù so với nhân lực các ngành nghề khác. Ngoài những tiêu chuẩn chung về phẩm chất, đạo đức, năng lực nói chung thì nguồn nhân lực ngành văn hóa phải hội tụ được những phẩm chất như sự nhạy cảm, tinh tế trong phát hiện cái mới, hiểu được quy luật vận động và chu trình sáng tạo, “sản xuất” của loại “hàng hóa” đặc biệt là văn hóa, tâm lý của chủ thể sáng tạo, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, các hiện tượng văn hóa đa dạng, phong phú... Để tạo nguồn nhân lực văn hóa

<sup>4</sup> Thứ nhất, do điều kiện lịch sử, địa lý và tập quán canh tác đã hình thành nên các loại hình di sản văn hóa tiêu biểu cho từng dân tộc. Thứ hai, do điều kiện tự nhiên là tình miền núi, vùng sâu, vùng xa đồng bào các dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở khu vực khó khăn về đường giao thông nên đời sống kinh tế vẫn chủ yếu mang tính tự cung tự cấp. Thứ ba, do sống khép kín trong phạm vi làng bản nên quản lý xã hội mang tính tự quản cao. Đặc thù vùng miền và đặc trưng văn hóa các dân tộc thiểu số chính là nguyên nhân tạo nên sự chưa phát triển về kinh tế - xã hội ở khu vực này.

đủ mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn đang đặt ra, đòi hỏi các cấp, các ngành cần có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của nguồn nhân lực làm công tác văn hóa, bao gồm cả nhân lực trực tiếp và nhân lực gián tiếp tham gia vào quá trình quản lý và thực hành văn hóa. Nhân lực trực tiếp là những cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tham gia quản lý các hoạt động văn hóa, là đội ngũ những nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ, trí thức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Nhân lực gián tiếp bao gồm các tổ chức chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các công ty tư nhân, sự tham gia của người dân trong việc phối kết hợp, đầu tư tiền bạc, công sức góp phần phát triển sự nghiệp văn hóa. Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định phát triển nguồn nhân lực là một khâu đột phá chiến lược để bảo đảm đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây là một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách cần được quan tâm thực hiện ở nhiều cấp ngành khác nhau. Nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng di sản văn hóa phi vật thể bị mai một là do nghệ nhân dân gian ở địa phương quá ít và đã cao tuổi, đồng thời tầng lớp thế tục lại không quan tâm nhiều đến văn hóa. Chính sách đãi ngộ của nhà nước đối với nghệ nhân chưa được quan tâm đúng mức nên không thu hút được nhân tài truyền dạy phong tục tập quán, tri thức dân gian cũng như giá trị của di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ kế tiếp. Vì thế, muốn bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa thì trước hết phải quan tâm đến nghệ nhân, bởi họ chính là những nhân tố quan trọng trong việc lưu giữ và bảo tồn di sản. Do vậy, các ban ngành chức năng cần rà soát số lượng nghệ nhân, trên cơ sở đó đề ra chính sách trọng dụng và tôn vinh những nghệ nhân có đức, có tài, có công xây dựng và phát triển văn hóa tộc người.

*Một là*, xây dựng chương trình định kỳ hàng năm tuyên dương những người tham gia tích cực vào công tác bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa và coi đây là một trong những tiêu chí xét tấm gương điển hình, tiêu biểu của địa phương.

*Hai là*, xây dựng các câu lạc bộ, đội văn nghệ tại địa phương - đây chính là hạt nhân cơ bản trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản của tộc người.

*Ba là*, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, huyện và tỉnh, thành phố về những tấm gương nghệ nhân điển hình trong việc gìn giữ, lưu truyền giá trị di sản văn hóa.

*Bốn là*, có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân dân gian nhằm khích lệ tinh thần của người dân trong việc gìn giữ những giá trị văn hóa phi vật thể.

Mặt khác, việc truyền dạy thế hệ trẻ kế tục thực hành các loại hình di sản cũng là một nhiệm vụ quan trọng. Ngoài phát huy phương thức bảo tồn di sản văn hóa truyền thống thông qua sinh hoạt gia đình, dòng họ, cộng đồng, chúng ta cần phải mở các lớp truyền dạy, đào tạo những nhân tố nòng cốt về quản lý di sản văn hóa ở từng địa phương với những kế hoạch cụ thể.

*Thứ nhất*, tập trung phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Đầu tư xây dựng hệ thống trường học để đảm bảo con em các dân tộc thiểu số có cơ hội học tập, xóa mù, chống tái mù chữ.

*Thứ hai*, cần thiết phải tăng chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển hệ cử tuyển cho con em là người dân tộc, vùng sâu, vùng xa học các ngành quản lý văn hóa, di sản văn hóa tại các trường Cao đẳng, Đại học.

*Thứ ba*, xây dựng các nội dung giáo dục về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số vào chương trình dạy học ở bậc trung học cơ sở, phổ thông trung học và các trường nội trú của tỉnh. Nội dung giáo dục bao gồm: quá trình hình thành và phát triển các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh; Một số đặc điểm tâm, sinh lí tộc người; Văn học dân gian các dân tộc; sinh hoạt văn hoá cổ truyền tiêu biểu; vốn tri thức dân gian của các dân tộc... Hoạt động ngoại khóa là các chương trình liên hoan văn nghệ với các bài hát dân ca, điệu múa cổ truyền, ngành nghề truyền thống, các trò chơi dân gian...

*Thứ tư*, đẩy mạnh việc hướng nghiệp dạy nghề ở vùng dân tộc thiểu số nhất là trong các trường phổ thông dân tộc nội trú với tỉ lệ ngành nghề phù hợp với thực tế cuộc sống. Từ đó, chúng ta có thể định hướng các em vào các ngành phục vụ phát triển kinh tế ở địa phương, trong đó có chú ý

tới các lĩnh vực liên quan tới việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống. Để làm tốt công việc này, những nhà quản lý giáo dục, quản lý văn hóa phải căn cứ vào tình hình thực tế của từng dân tộc mà đưa ra những biện pháp khác nhau như: phương pháp truyền nghề, dạy học, lựa chọn đối tượng, nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lý của từng tộc người, vai trò của cộng đồng... và xây dựng kế hoạch chi tiết trong từng giai đoạn cụ thể 5 năm, 10 năm và 15 năm.

Phát triển nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa còn phải chú trọng đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ đang làm công tác quản lý văn hóa từ cấp xã/phường, huyện, tỉnh.

Để tiếp tục đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn trong giai đoạn mới, các tỉnh thành trong cả nước đã chú trọng đến công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch (VHTTDL) ở cơ sở, đặc biệt là cán bộ công chức là người dân tộc thiểu số. Hàng năm ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh chỉ đạo ngành VHTTDL cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo đại học và sau đại học thuộc các lĩnh vực chuyên ngành. Đồng thời để kịp thời cập nhật những văn bản mới, cũng như nâng cao trình độ chuyên môn, UBND các tỉnh chỉ đạo ngành phối hợp với các trường đại học, các cục, vụ, viện chức năng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch mở các lớp đào tạo ngắn hạn, các tập huấn về công tác văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình cho đối tượng là công chức văn hóa xã hội thuộc các xã, phường. Tính đến nay, trình độ chuyên môn của một số cán bộ công chức là người dân tộc thiểu số đã đạt tiêu chuẩn theo ngạch bậc, nhưng năng lực thực tế phần nào còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; chính sách thu hút của các tỉnh tuy được triển khai phổ biến song hiệu quả chưa cao. Trước tình hình đó, chúng ta cần phải đưa ra phương án quy hoạch cán bộ là người dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

### **5. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể phải đáp ứng nhu cầu về văn hóa tâm linh của chủ thể văn hóa**

Để phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh về văn hóa, nhất là khai thác giá trị của di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch cần nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp các ngành về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với quá trình phát triển bền vững của đất nước. Việc nhận thức đúng, đủ sẽ tạo sức mạnh của sự đồng thuận, thống nhất, cùng nhau phối hợp, tạo lực thúc đẩy văn hóa không ngừng phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu, đòi hỏi của đồng bào công chúng. Thực tế cho thấy, ở địa phương nào làm tốt công tác bảo tồn di sản văn hóa sẽ đáp ứng được nhu cầu về đời sống văn hóa tâm linh của đồng bào thì địa phương đó kinh tế, xã hội phát triển, an ninh quốc phòng cũng được đảm bảo, bởi vậy chúng tôi đề xuất như sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa chính là yêu nước, là làm phong phú, đa dạng cho văn hóa Việt Nam. Đồng thời tạo ra sức đề kháng chống lại sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai.

*Hai là*, củng cố niềm tin, niềm tự hào dân tộc về bản sắc văn hóa tộc người.

*Ba là*, vận động những người cao tuổi thường xuyên nhắc nhở, khích lệ con cháu mình tham gia giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

*Bốn là*, tổ chức nghiên cứu, sưu tầm các giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo chương trình, kế hoạch dài hạn. Đặc biệt lưu ý đến các dân tộc thiểu số có dân số dưới 10.000. Việc tổ chức lễ hội, phục dựng các loại hình di sản văn hóa có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Điều này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc, góp phần làm cho diện mạo của đời sống văn hóa tộc người thêm phong phú, đa dạng và đây sẽ là nguồn động lực quan trọng của đồng bào các dân tộc trong đời sống đương đại.

*Năm là*, kinh phí bảo tồn di sản văn hóa giai đoạn trước chủ yếu được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước. Do vậy, sang giai đoạn này, chúng ta cần phải tận dụng kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau cho bảo tồn di sản văn hóa như: có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, doanh nhân,

chủ khách sạn trong và ngoài tỉnh đầu tư tài chính cho việc tổ chức các lễ hội truyền thống để quảng bá hình ảnh di sản văn hóa, đồng thời quảng bá hình ảnh cho chính doanh nghiệp, góp phần xúc tiến thương mại, du lịch<sup>5</sup>... Huy động sức dân cho việc tổ chức phục dựng, bảo tồn di sản văn hóa<sup>6</sup>...

## 6. Kết luận

Trong thời gian tới, để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, các nhà quản lý văn hóa phải cụ thể hóa chủ trương, quan điểm, đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước được thể hiện thông qua tư tưởng chỉ đạo, hệ thống văn bản pháp luật, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, thông tư hướng dẫn thi hành, đề án, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia... bổ sung cơ chế, chính sách đồng bộ với những điều khoản tạo cơ sở và hành lang pháp lý, luận cứ khoa học để các cấp, các ngành vận dụng, triển khai sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của từng địa phương, vùng miền. Đồng thời, cần phải có những biện pháp đầu tư cụ thể phù hợp đời sống tâm linh, tín ngưỡng của đồng bào 54 dân tộc. Cần có thái độ cởi mở hơn với các hình thức văn hóa tín ngưỡng dân gian như Then, mo, tào, pụt, thầy cúng... Phát huy các mặt tích cực của những người hành nghề tín ngưỡng dân gian nhưng đồng thời vẫn phải bài trừ các hủ tục lạc hậu. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn di sản văn hóa bằng cách vận động các tổ chức, cá nhân tại địa phương hỗ trợ kinh phí, phương tiện, sức lao động, lồng ghép các chương trình trong xây dựng nông thôn mới cho các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.

## Tài liệu tham khảo

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa. (2007). *Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*. (Tài liệu nội bộ). Hà Nội.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa. (2014). *Văn bản quản lý Nhà nước về di sản văn hóa*. (Tài liệu nội bộ). Hà Nội.

Chính phủ. (2011). *Báo cáo số 211/BC-CP ngày 17/10/2011 về việc Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006-2010, triển khai kế hoạch 2011 và đề xuất danh mục chương trình mục tiêu quốc gia 2012-2015*. Hà Nội.

Cục di sản văn hóa. (2006). *5 năm thực hiện luật di sản văn hóa - thành tựu và những vấn đề đặt ra (Báo cáo tóm tắt của Cục di sản văn hóa tại hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện luật di sản văn hóa - Hà Nội, ngày 05/12/2006)*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Quốc hội. (2001). *Luật di sản văn hóa*. Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ. (2011). *Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 về phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”*. Hà Nội.

---

<sup>5</sup> Để làm tốt công tác xã hội hóa này, chúng ta cũng cần phải tính đến 2 mặt của vấn đề để tránh tình trạng các doanh nghiệp chi phối quá trình phục dựng, bảo tồn các di sản văn hóa.

<sup>6</sup> Do đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số còn nghèo nên huy động kinh phí tổ chức, phục dựng di sản văn hóa gặp nhiều khó khăn. Vì thế, chỉ nên huy động công sức và nâng cao nhận thức của người dân đối với việc bảo tồn di sản văn hóa.